

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG

DEN SỐ 3278

Ngày 13/6/2016

Số: 47 /KH-UBND

- P (U - SC)  
- chí cua ĐTN, TMT, MTTB  
- LĐLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 6 năm 2016

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-BNN-KTHT, ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014;

Căn cứ văn bản số 2103/NTC-NSNN ngày 10/02/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch phát triển trồng trọt tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Ban hành Quy định về hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; quy mô diện tích tối thiểu đối với Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch thực hiện dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, nhằm khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, góp phần hoàn thành mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp hàng hóa và xây dựng nông thôn mới.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tạo ra những sản phẩm nông nghiệp hàng hóa tập trung, cùng chung loại thuận lợi cho việc gắn kết giữa sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm.

## 2. Yêu cầu

- Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ trong việc tăng cường thu hút, mời gọi đầu tư thực hiện các Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Xây dựng các dự án cánh đồng lớn phải có sự liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với nông dân, liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã hoặc liên kết giữa hợp tác xã với nông dân về sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng; việc thực hiện các dự án cánh đồng lớn phải đảm bảo quy mô diện tích (liền vùng, liền khoảnh) và áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào các khâu sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

## II. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

### 1. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách và các quy định về xây dựng cánh đồng lớn

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi chủ trương, chính sách và các quy định về cánh đồng lớn gắn với quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa đến toàn thể cán bộ, đảng viên; đội ngũ lãnh đạo, chính quyền địa phương và đông đảo bà con nông dân được biết, từ đó đồng thuận và hưởng ứng tham gia chương trình, tạo được mối liên kết chặt chẽ và bền vững.

- Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp tăng cường đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tạo ra các sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm cung cấp cho thị trường bằng hình thức liên kết xây dựng cánh đồng lớn để khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa.

### 2. Kế hoạch thực hiện các dự án cánh đồng lớn đến năm 2020

Đẩy mạnh tuyên truyền, xúc tiến mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi đầu tư thực hiện có hiệu quả 26 Dự án, quy mô diện tích sản xuất 1.335 ha, gồm:

- Dự án sản xuất giống lúa lai, diện tích 50 ha tại thành phố Tuyên Quang và huyện Chiêm Hóa.

- Dự án sản xuất Lúa thương phẩm hàng hóa tập trung, diện tích 265 ha, tại huyện Sơn Dương, Yên Sơn và Hàm Yên.

- Dự án sản xuất Lạc giống và thương phẩm tại huyện Chiêm Hóa.

- Dự án sản xuất mía giống, diện tích 400 ha tại huyện Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương và thành phố Tuyên Quang.

- Dự án sản xuất Chè VietGAP, diện tích 220 ha tại huyện Sơn Dương và Yên Sơn.

- Dự án sản xuất rau, đậu an toàn, diện tích 75 ha tại các huyện Chiêm Hóa, Yên Sơn, Sơn Dương và thành phố Tuyên Quang.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

### 3. Dự kiến kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí hỗ trợ

- Tổng kinh phí thực hiện: 113,108 tỷ đồng, trong đó:

+ Doanh nghiệp, người dân đóng góp: 104,499 tỷ đồng.

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 8,608 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh, Ngân sách tỉnh và nguồn lồng ghép từ các chương trình, dự án có liên quan.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chính sách của tỉnh về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; hướng dẫn áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để tạo ra các sản phẩm nông sản hàng hóa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn xây dựng các dự án cánh đồng lớn theo quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định các Dự án cánh đồng lớn của các doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân theo Kế hoạch này; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các Dự án cánh đồng lớn, kế hoạch bố trí ngân sách hỗ trợ hàng năm và tham mưu xử lý tranh chấp thực hiện các Dự án cánh đồng lớn theo khoản 1 Điều 5 Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện kế hoạch này; chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Dự án cánh đồng lớn; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh.

### 2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định dự toán kinh phí xây dựng dự án cánh đồng lớn; hàng năm căn cứ kế hoạch thực hiện các dự án đã được phê duyệt, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

- Hướng dẫn các chủ dự án về trình tự, thủ tục cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc sử dụng kinh phí hỗ trợ các dự án cánh đồng lớn đảm bảo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

### 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan lồng ghép các nguồn vốn, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch đầu tư thực hiện quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trong dự án cánh đồng lớn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định, đánh giá nghiệm thu các dự án cánh đồng lớn theo Kế hoạch này.

4. Sở Thông tin, truyền thông, Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thường xuyên có chuyên mục tuyên truyền về xây dựng cánh đồng lớn; cập nhật, đưa tin về các mô hình, Dự án điển hình tiên tiến và kinh nghiệm về xây dựng dự án cánh đồng lớn.

### 5. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Tổ chức tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chính sách của tỉnh về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng dự án cánh đồng lớn trên địa bàn quản lý; tăng cường các biện pháp thu hút, mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi đầu tư các dự án cánh đồng lớn theo Kế hoạch này.

- Chỉ đạo tăng cường hướng dẫn áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để tạo ra các sản phẩm nông sản hàng hóa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Theo dõi, giám sát hợp đồng liên kết sản xuất của tổ chức đại diện nông dân và nông dân trong thực hiện dự án cánh đồng lớn.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch cung cấp, nâng cao chất lượng và thành lập mới hợp tác xã đủ năng lực, đáp ứng được yêu cầu hợp tác, liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất giữa nông dân và doanh nghiệp để làm căn cứ cho việc xem xét nông dân được hưởng hỗ trợ theo kế hoạch dự án cánh đồng lớn.

- Căn cứ vào xác nhận thực hiện hợp đồng của cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc ưu đãi, hỗ trợ cho nông dân theo dự án được phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý vi phạm hợp đồng các bên tham gia liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện xây dựng Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## 6. Doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân

- Có đơn đề nghị xây dựng dự án cánh đồng lớn khi được chấp thuận, tiến hành lập dự án cánh đồng lớn trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định.

- Dự án cánh đồng lớn phải thể hiện các nội dung được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 3 tại quy định kèm theo Quyết định số 10/2015/QĐ-UBNND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh.

- Đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, năng lực tiêu thụ nông sản, năng lực bảo quản và chế biến trong hồ sơ phương án cánh đồng lớn.

- Đảm bảo thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng giữa doanh nghiệp và đại diện nông dân, trường hợp xảy ra tranh chấp trong thực hiện hợp đồng phải thông báo với cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp xử lý, giải quyết.

- Thực hiện chuyển giao kỹ thuật, đào tạo nông dân, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể;
- Các sở, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Trưởng Phòng KT CNLN;
- Lưu VT.

(Báo cáo)

Nguyễn Đình Quang



**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỘT SỐ DỰ ÁN CÁNH ĐỒNG LỚN  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 10/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)				Chia theo năm													
				Trong đó		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020							
				Ngân sách tỉnh	DN, nhân dân góp	Tổng	NS tỉnh	DN, ND	Tổng	NS tỉnh	DN, ND	Tổng	NS tỉnh	DN, ND	Tổng	NS tỉnh	DN, ND	Tổng	NS tỉnh	DN, ND	
	<b>TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN</b>	ha	1.335	113.108	8.608	104.499	31.634	2.370	29.265	34.868	2.512	32.356	13.239	1.014	12.225	9.530	1.002	8.528	23.836	1.710	22.127
A	<b>CÂY LÚA</b>	ha	315	14.839	1.206	13.633	1.933	345	1.588	4.133	365	3.767	2.150	104	2.046				6.623	392	6.232
I	Dự án sản xuất giống lúa lai (02 dự án, 50 ha)	ha	50	3.197	542	2.654	1.933	345	1.588	1.263	197	1.066									
1	Dự án 1: Tại Trại Đồng Tháp (Công ty cổ phần Giống vật tư NNL Tuyên Quang) và Khu vực Thăng Long, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang (30 ha/120 hộ).	ha	30	1.933	345	1.588	1.933	345	1.588												
2	Dự án 2: Tại xã Yên Nguyên (thôn An Bình), huyện Chiêm Hóa (20 ha/80 hộ).	ha	20	1.263	197	1.066				1.263	197	1.066									
II	Dự án sản xuất Lúa thương phẩm (3 dự án, 265 ha)		265	11.643	664	10.978				2.869	168	2.701	2.150	104	2.046				6.623	392	6.232
1	Dự án 1: Khu cánh đồng Vinh Phú, xã Kim Phú, huyện Yên Sơn (65 ha/300 hộ gia đình).	ha	65	2.869	168	2.701				2.869	168	2.701									
2	Dự án 2: Tại xã Tân Trào (thôn: Cà, Bòng, Lũng Búng, Thia, Tân Lập), huyện Sơn Dương (50 ha/190 hộ).	ha	50	2.150	104	2.046							2.150	104	2.046						
3	Dự án 3: Tại xã Minh Hương, huyện Hàm Yên (150ha/720 hộ).	ha	150	6.623	392	6.232													6.623	392	6.232
B	<b>CÂY LẠC</b>		325	22.864	1.361	21.503	13.134	796	12.337	8.480	464	8.016				1.250	101	1.150			
I	Dự án sản xuất Lạc giống (3 dự án, diện tích 125 ha)		125	7.742	564	7.179	4.927	334	4.592	1.565	129	1.437				1.250	101	1.150			
1	Dự án 1: Tại xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa (Diện tích 80 ha/100 hộ).	ha	80	4.927	334	4.592	4.927	334	4.592												
2	Dự án 2: Tại xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa (Diện tích 30 ha/100 hộ).	ha	25	1.565	129	1.437				1.565	129	1.437									

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)		Chia theo năm												
				Trong đó		Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			
				Tổng	Ngân sách tỉnh	DN, nhân dân góp	Tổng	NS tỉnh	DN, ND	Tổng	NS tỉnh	DN, ND	Tổng	NS tỉnh	DN, ND	Tổng	NS tỉnh	DN, ND
3	Dự án 3: Tại xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa (Diện tích 20 ha/80 hộ).	ha	20	1.250	101	1.150										1.250	101	1.150
II	Sản xuất Lạc thương phẩm (02 dự án, diện tích 200 ha)		200	15.122	798	14.324	8.207	462	7.745	6.915	336	6.579						
1	Dự án 1: Tại xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa (Diện tích 150 ha/350 hộ).	ha	150	8.207	462	7.745	8.207	462	7.745									
2	Dự án 2: xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa (Diện tích 50 ha/160 hộ).	ha	50	6.915	336	6.579				6.915	336	6.579						
C	SẢN XUẤT GIÓNG MÍA (05 Dự án sản xuất Mía giống mới 400 ha/15 xã, tại 5 huyện, thành phố)		400	48.268	3.293	44.975	13.364	897	12.466	12.502	856	11.647	7.232	501	6.731	1.806	141	1.665 13.364 897 12.466
1	Huyện Chiêm Hóa: Diện tích 140 ha/7 xã (Yên Nguyên, Hòa Phú, Tân Thịnh, Phúc Thịnh, Hòa An, Vinh Quang, Xuân Quang).	ha	140	12.502	856	11.647				12.502	856	11.647						
2	Huyện Hàm Yên: Diện tích 60ha/3 xã (Gồm các xã: Bình Xa, Thái Sơn, Thái Hòa).	ha	60	7.232	501	6.731								7.232	501	6.731		
3	Huyện Yên Sơn: Diện tích 80ha/4 xã (Gồm các xã: Phúc Ninh, Chiêu Yên, Nhữ Hán, Nhữ Khê).	ha	80	13.364	897	12.466											13.364	897 12.466
4	Huyện Sơn Dương: Diện tích 100ha/7 xã (Gồm các xã: Phúc Ứng, Tuần Lộ, Sơn Nam, Đại Phú, Phú Lương, Tam Đa - huyện Sơn Dương và Diện tích thuộc Công ty CP Đường Sơn Dương).	ha	100	13.364	897	12.466	13.364	897	12.466									
5	Thành phố Tuyên Quang: Diện tích 30 ha thực hiện tại xã Đội Cấn.	ha	20	1.806	141	1.665										1.806	141	1.665

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng kinh phí thực hiện (Tr.đồng)			Chia theo năm														
				Tổng	Trong đó		Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019					
					Ngân sách tỉnh	DN, nhân dân góp	Tổng	NS tỉnh	DN, ND	Tổng	NS tỉnh	DN, ND	Tổng	NS tỉnh	DN, ND	Tổng	NS tỉnh	DN, ND			
D	SẢN XUẤT CÂY CHÈ THEO VIETGAP (05 dự án, diện tích 210 ha )		220	23.696	2.278	21.418	3.204	331	2.873	9.090	737	8.353	3.204	331	2.873	5.012	550	4.463	3.186	330	2.856
1	Dự án 1: Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương.	ha	30	3.204	331	2.873	3.204	331	2.873												
2	Dự án 2: Xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương.	ha	30	3.204	331	2.873							3.204	331	2.873						
3	Dự án 3: Công ty cổ phần Chè Tân Trào, Sơn Dương.	ha	30	3.186	330	2.856												3.186	330	2.856	
4	Dự án 4: Công ty CP Chè Mỹ Lâm.	ha	50	4.996	550	4.446				4.996	550	4.446									
5	Dự án 5: Công ty CP Chè Sông Lô.	ha	50	5.012	550	4.463										5.012	550	4.463			
6	Dự án 6: Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn.	ha	30	4.094	187	3.907				4.094	187	3.907									
E	CÂY RAU, ĐẬU CÁC LOẠI (05 dự án, diện tích 75 ha/dự án)		75	3.440	470	2.971				663	90	572	654	78	576	1.461	211	1.250	663	90	572
1	Dự án 1: Dự án trồng Rau xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa.	ha	15	654	78	576							654	78	576						
2	Dự án 2: Dự án trồng Rau xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn.	ha	15	649	76	572										649	76	572			
3	Dự án 3. Dự án trồng Rau xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương.	ha	15	663	90	572				663	90	572									
4	Dự án 4. Dự án trồng Rau xã Văn Phú, huyện Sơn Dương.	ha	15	663	90	572												663	90	572	
5	Dự án 5. Dự án trồng Rau phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang.	ha	15	813	135	677										813	135	677			